

Phụ lục số I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2025
CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI (VỐN SỰ NGHIỆP)
(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Yên Châu)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Danh mục	Mã QHNS	Chương loại khoản	Mã Chương trình mục tiêu		Kế hoạch vốn năm 2025 (giao tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 01/7/2025)	Kế hoạch vốn điều chỉnh (Dự án 4: Duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng năm 2025)		Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Mã số CTMT	Mã số tiểu chương trình nhiệm vụ, dự án thuộc CTMT		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=5-6+7	9
	TỔNG CỘNG					11,570.000	11,570.000	11,570.000	11,570.000	
1	Văn phòng HĐND-UBND	1137200	280-292	10510	10514	11,570.000	11,570.000		-	
2	Phòng Kinh tế	1145368	280-292	10510	10514	-		11,570.000	11,570.000	

Phụ lục số II
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2025
CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (VỐN SỰ NGHIỆP)
(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 04/8/2025 của Hội đồng nhân dân xã Yên Châu)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Danh mục	Mã QHNS	Chương loại khoản	Mã Chương trình mục tiêu		Kế hoạch vốn năm 2025 (giao tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 01/7/2025)	Kế hoạch vốn điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Mã số CTMT	Mã số tiểu chương trình nhiệm vụ, dự án thuộc CTMT		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=5-6+7	9
	TỔNG CỘNG					240.000	240.000	240.000	240.000	-
I	Nội dung thành phần số 7: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn, giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam					120.000	120.000	120.000	120.000	
1	Văn phòng HĐND-UBND	1137200	280-338	10490	10497	120.000	120.000		-	
2	Phòng Kinh tế	1145368	280-338	10490	10497	-		120.000	120.000	
II	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện phòng trào thi đua cả nước xây dựng NTM					120.000	120.000	120.000	120.000	-
1	Văn phòng HĐND-UBND	1137200	280-338	10490	10502	120.000	120.000		-	
2	Phòng Kinh tế	1145368	280-338	10490	10502	-		120.000	120.000	